

Thảo Luận Về Văn Hóa Việt

Trích một đoạn trong phần thảo luận về văn hóa Việt: Con đường sống của dân tộc (Nhân Đạo), xây dựng nên văn minh nhân bản; đó cũng là xu hướng tất yếu của loài người đang tiến tới.

T.V.Minh: Minh định cuộc thảo luận đứng trên **lập trường dân tộc và nhân bản** mà các anh đã bỏ ra hơn ba tuần thảo luận về Khổng Mạnh. Phung phí thời gian như thế là quá đáng. Trên thế giới, ngoài Trung Cộng ra, có bao nhiêu triệu người thờ ông Khổng Tử. Riêng ở Việt Nam, nhóm An Việt với triết lý “An Vi” của triết gia Lương Kim Định, nhiều lắm là năm ngàn người khoa bảng, trí thức và những người học đòi theo khoa bảng, tất cả khoảng một triệu người tin thờ Khổng Tử **như một ông Thánh bất khả xâm phạm**. Tại sao chúng ta không xem họ như là những người theo đạo Phật, Tin Lành, Ki Tô Giáo La Mã, Hồi Giáo, Cao Đài v.v...**trong lòng dân tộc Việt Nam?**

Làm sao thuyết phục người Tin Lành tôn thờ Bà Maria như người Ki Tô giáo La Mã, hoặc một Phật tử tôn thờ Jesus và ngược lại...Đừng bao giờ thuyết phục người khác tin theo điều mình tin. Ông cha ta đã dạy: Trống làng nào làng ấy đánh. Thánh làng nào, làng ấy thờ.

T.N.Hưng: Lịch sử ghi chép rõ ràng, tại họ không muốn thay đổi. Về nguồn phục vụ cuộc sống, chứ không tìm kiếm tri thức hay tranh cãi phải trái. Về nguồn không phải là trất công tìm kiếm dòng suối đã khô cạn, nhưng là khai thác nguồn nước sẵn có để sinh hoạt xã hội Việt Nam mỗi ngày thêm tươi mát phần vinh, con người Viet Nam sạch đẹp và khỏe mạnh (Đông Phong – Bản Sắc Dân Tộc, NXB Đường Việt, Năm 2000, Trang 15).

Xin anh T.V.Bình trình bày ngắn gọn một lần cuối cùng, rồi chúng ta cho qua, đừng phí thời giờ vô ích về vấn đề người Việt có cần phải tôn thờ Khổng Tử như một ông thánh bất khả xâm phạm không ?

T.V.Bình: Nhà Tây Chu, thuộc bộ lạc du mục Tây Di. Sâu khi cấu kết với tộc Khương (tổ Tây Tạng) đã diệt nhà Thương.

Tinh thần độc hữu du mục đã được thực hiện triệt để đến nỗi nhà Thương suýt bị xóa tên khỏi lịch sử Tàu (đốt hết văn khố của nhà Thương). Với vũ khí văn hóa vô song là chữ viết tượng hình, tượng ý, cũng như các định chế xã hội thâm hóa được từ nền văn minh nông nghiệp nhưng lấy **văn hóa du mục làm chủ đạo**. Nhà Chu đã trở thành mẫu mực định hướng cho các triều đại kế tục. Tục thờ mặt trời của dân nông nghiệp, dần dần được thay thế bởi ông Trời **trừu tượng toàn năng** (Thiên) của nhà Chu để phù hợp với thuyết thiên mệnh của họ.

Chế độ nội thị (hoạn quan) theo truyền thống của tộc Proto-Tucuckec đã được du nhập vào triều đình Tàu lần đầu tiên. Nhà Chu còn thiết lập chế độ phong kiến, phong đất cho thân thích và công thần, mỗi người làm chư hầu một nơi để trấn áp các dân tộc chưa thần phục nhà Chu.

Sự hình thành nước Trung Quốc gắn liền với tính hiếu chiến và chủ nghĩa bánh trưởng. Quốc gia mà ngày nay chúng ta gọi là Trung Quốc được tạo dựng lên ở mạn trung lưu Hoàng Hà, với ranh giới khoảng ba tỉnh: Sơn Tây (quê hương Đế Nghiêu), Hà Nam (quê hương Hạ Vũ, kinh đô nhà Ân), Thiểm Tây với núi Kì, sông Vị (quê hương nhà Chu).

Thời đó bình nguyên Hoàng Hà được mệnh danh là Trung Nguyên, bao quanh tứ phía của trung tâm văn hóa độc tôn đó, tức nhiên phải là các bộ tộc mà người Tàu gọi là “man di mọi rợ”: Tây Nhung, Bắc Địch, Đông Di, Nam Man.

Thời Xuân Thu, phải quản trọng phối hợp quân sự với văn hóa, chủ trương “bình thiên hạ”, tức đàn áp chiếm đất đai của các sắc dân không phải là Hán, trong đó có Bách Việt để Tề Hoàn Công xưng bá.

Năm 671 TTL, Chu Huệ Vương ra lệnh cho Sở Thành Vương trấn dẹp loạn Di Việt ở phương nam, không cho họ xâm lược Trung Nguyên.

Thời Chiến Quốc, các chư hầu bao quanh nhà Chu thuộc các sắc tộc Tàu ngoại là Tây Nhung, Bắc Địch, Đông Di, Nam Man (Bách Việt) vùng dậy để thoát khỏi ách thống trị của nhà Chu.

Khổng Tử chủ trương tông Chu, ông bon ba khắp nơi để thuyết phục các chư hầu phải theo văn hóa Chu, văn hóa gốc du mục (có đầu hóa được một ít tinh hoa từ nền văn minh nông nghiệp nhưng **lấy văn hóa du mục làm chủ đạo**).

Nếu có ông Thánh nào đó thuyết phục Hai Bà Trưng hoặc Ngô Quyền và người dân Việt không nên vùng dậy chống nhà Hán mà hãy ở dưới “cây dù” của nhà Hán, theo văn hóa Hán. Chúng ta nghĩ thế nào ?

Khổng Tử suốt đời ấp ủ hoài bão phục hoạt chế độ nhà Chu do Chu Công thiết lập “dựa trên quan niệm thiên tử, luật hình, hoạn quan, đàn áp đàn bà, khinh miệt dân chúng (gọi là dân = dân đầu đen), chuyển tài sản từ làng xã sang tay nhà vua, Chu Nho là văn hóa du mục (sdd, trang 199). Ông muốn thuyết phục chư hầu (đa số thuộc tộc Bách Việt theo thể chế và sống theo văn hóa Chu. Ông bảo: như có người dùng ta, thì ta sẽ làm cho Đông Chu thịnh lên chăng? (Như hữu dụng ngã, Ngô kỳ vi Đông Chu hồ? Hương Hóa) Khổng Tử tự nhận đêm ngủ thường vẫn mộng tưởng Chu Công. Sau thời gian chu du các nước, biết giấc mộng không thành, ông trở về nước Lỗ dạy học. Suốt đời Khổng Tử chỉ mong nối được sự nghiệp của Chu

Công. Ông ước ao điều đó lắm, đến nỗi nó ám ảnh ông, khiến ông nằm mộng thấy Chu Công. Ta theo Chu (Ngô tông Chu - thiên Bách dật, bài 14). Một hôm tự than rằng quá lắm vậy! Ta suy nhược rồi! Từ lâu, ta chẳng mộng thấy Chu Công (Luận Ngữ - thiên thuật nhi).(Cửu hĩ ngô bất phục mộng kiến Chu công)

Một trong những trí giả gốc du mục sớm nhận thức được hiểm họa văn hóa du mục bị thuần hóa bởi văn hóa Bách Việt có lẽ là Khổng Tử. Ông ta tìm mọi cách phục sinh trật tự thế chế nhà Chu, một thể chế mang tính du mục cho nên ông ta hoàn toàn thất bại vì chủ trương của ông ta phục hoạt thể chế nhà Chu: Không nước nào chấp nhận để cho nhà Chu thống trị, nhất là các nước thuộc Bách Việt.

Nhưng hai trăm năm trước đó Quản Trọng phối hợp văn hóa và quân sự đã thành công trong việc đàn áp, dẹp yên dân Bách Việt (bình thiên hạ) xây dựng nghiệp bá cho Tề Hoàn Công. Chính vì thế mà Khổng Tử đã khen Quản Trọng hết lời: Cho đến nay dân chúng còn được hưởng ân đức của ông ấy. Không có Quản Trọng thì chúng ta phải giốc tóc (bện) và cài áo bên trái (tả nhậm) như người mọi rợ (Luận Ngữ - chương hiến vấn). Nói khác đi là đã bị Bách Việt hóa. Rõ ràng là kỳ văn hóa: chủ trương hưng Hoa diệt Di dấu kín trong lòng đã phát ra lời nói và hành động. Thế mà một số trí thức Việt Nam với thân Việt, óc Tàu tìm mọi cách để bào chữa, chạy tội cho Khổng Tử. Giới trẻ Việt Nam sẽ không chấp nhận làm nô lệ như họ, chúng ta không cần phải bận tâm. Có thể họ học hỏi một vài điều hay của Khổng Tử nhưng họ không tôn thờ Khổng Tử như một ông thánh bất khả xâm phạm.

Như vậy, “thuật nhi bất tác”, tính nhi hiếu cổ (không sáng tác kinh điển mà chỉ sang định, chỉ thuật lại đạo cổ xưa) thực chất là cố uốn nắn khéo léo cái ưu điểm của văn hóa Bách Việt để che giấu hoài bão phục sinh thể chế nhà Chu, trong sách lược hưng Hoa diệt Di của Khổng Tử.

Tham vọng bành trướng (hưng Hoa diệt Di) và tư tưởng bá quyền là những biểu hiện của tinh thần phi dân chủ. Ngoài (nước ngoài) thì coi thường nước khác dân tộc khác, đối lập Hoa Hạ với Tứ Di, trong (trong nước) thì coi thường dân chúng, coi thường phụ nữ, đối lập người quân tử (cai trị) với kẻ tiểu nhân (dân chúng). Khổng tử nói tới dân chúng ở nhiều chỗ với một giọng rất miệt thị, coi thường: dân chúng có thể khiến họ theo, chứ không thể giảng cho họ hiểu được (Luận Ngữ, Thái Bá 9). Ông nhiều lần tỏ ra khinh bỉ dân chúng một cách rõ rệt: Sở dĩ người quân tử không muốn ở chung với đám hạ lưu vì bao tội ác trong thiên hạ dồn cả về đó (Luận Ngữ, Tử Trương 20). Nói đến phụ nữ ông bảo: chỉ hạng đàn bà và tiểu nhân là khó dạy. Gần thì họ nhờn, xa thì họ oán (Luận Ngữ Dương Hóa 25) –Trần Ngọc Thêm- Tìm về bản sắc văn minh Việt Nam, nxb tpHCM năm 2001, trang 482-483.

Tóm lại, Khổng Tử chủ trương tông Chu, hưng Hoa diệt Di (Bách Việt) kỳ thị chủng tộc (qua lời khen Quản Trọng, coi Bách Việt là mọi rợ), miệt thị dân chúng, khinh bỉ đàn bà... Như vậy thuật nhi bất tác chỉ là lối **nhân nghĩa và đạo đức giả** của Khổng Tử với mưu đồ

đồng hóa và diệt chủng các giống dân Tứ Di, tức Bách Việt mà theo triết gia Đông Lan, “sắc dân Bách Việt đã vào và cư ngụ trên đất Tàu ngày nay trước khi có một dân tộc thực sự là Tàu xuất hiện” (sđd, trang 186, dòng 6-8).

Với chủ trương dùng nhân nghĩa - thuật nhi bất tác- ở đầu mỗi chót lưỡi, **tức lời nói khác với hoài bảo của mình- hưng Hoa diệt Di - để thay cho việc binh đao.**

Cái đạo đức chuyên lấy của người - thuật nhi bất tác- khéo léo uốn nắn theo ý đồ của mình đánh lừa thiên hạ với dã tâm đồng hoá các giống dân khác thành người Tàu. **Đó là sách lược lùi không đánh, giả bộ lấy đạo đức của người để đồng hóa người thành Tàu.** Hòa nhi bất đồng của văn minh Hoàng Hà là cái màn che giấu mưu đồ thâm kín, hòa để mà hóa của người thành của mình. Cho nên “hòa” theo kiểu du mục khác hẳn với “hòa cả làng” của văn minh sông Hồng, phát xuất từ nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước (Văn hóa Hòa Bình).

Đây là sách lược vô cùng thâm độc của họ Khổng. Do đó Mặc Tử đề xướng thuyết Kiêm Ái (thương mọi người) để chống lại lối giả nhân giả nghĩa của Khổng Tử. Còn Lão Tử chủ trương bình đẳng, tự do, sống hài hòa với thiên nhiên, trở về với sự chất phác, thuần lương **là những giá trị đi ngược lại với chế độ phong kiến nhà Chu, kiến dựng trên quân quyền, phụ quyền và nam quyền.**

Chủ nghĩa bành trướng là nét đặc thù độc đáo nhất trong sự hình thành nước Trung Quốc với bệnh hoạn HỘI CHỨNG ĐẠI HÁN, từ triều đại này qua triều đại khác, quyết tâm xóa sạch văn hóa Bách Việt một cách có hệ thống, từ Quản Trọng, Khổng Tử cho đến Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông và kéo dài đến ngày nay.

Thế hệ của Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào bây giờ cũng không đi ra ngoài sự chỉ giáo thâm độc của Khổng Tử: Phải hành động như Quản Trọng - phối hợp quân sự và văn hóa- để đồng hóa đến người Bách Việt cuối cùng (tộc Lạc Việt tiền thân của dân tộc Việt Nam) thành người Tàu.

Tôi thấy như thế này là quá đủ rồi.

M.V.Giang: Hãy tôn trọng tự do của mỗi người. Tổ tiên đã dạy rằng “Thánh làng nào làng ấy thờ” về niềm tin thuộc loại tín ngưỡng, ý thức hệ, không nên thuyết phục người khác tin theo điều mình tin. Hãy thể hiện điều mình tin qua ý nghĩ, lời nói và việc làm.

Điều cần thiết là làm sáng tỏ nguồn gốc cốt lõi tư tưởng Việt, chứ không phải là thuyết phục tranh luận. Trở về với đa số, 95% người Việt Nam, nhất là giới trẻ; họ sẽ tiếp nối trao truyền qua cuộc sống cái gia tài quý báu của tổ tiên - tình người (tình thương), bao dung, hài hòa v.v...- cho giới trẻ thuộc hai, ba thập niên tới.

Một học giả Pháp đã viết cuốn La Revolution ni Marx ni Jésus. Trong tương lai con người sẽ thực hiện cuộc cách mạng tâm linh mà không kêu cầu Marx, Jésus, Thách Ca, Khổng Tử v.v...cho nên ông J . Kishnamurti đã phát biểu: cái Phật gọi là Niết Bàn, Jésus gọi là Thiên Đàng, tôi gọi là cuộc sống.

Với ngôn ngữ tin học, giới trẻ sẽ vượt thoát mọi ràng buộc của những khuôn mẫu khô cứng, những ý thức hệ, giáo điều v.v..., vứt bỏ những tư tưởng lạc hậu, những tập quán lỗi thời. Nói tóm lại, giới trẻ thay đổi cái nhìn (phá chấp) dễ dàng hơn chúng ta.

Môi trường sống, cách sống, lối làm ăn, bắt buộc họ phải sống thực, sống trọn vẹn mới tồn tại. Mà sống thực thì mới ý thức **tự chủ** và **sáng tạo**. Họ cần sự hài hòa trong cuộc sống, tình thương hồn nhiên trong sáng với mọi người, trí tuệ vượt thoát tư đục để bao dung vị tha và thượng tôn luật pháp để chung sống xây dựng một nền văn hóa mới.

Cần phải có một cuộc cách mạng, chắc chắn là thế. Điều tôi (Đức Đạt Lai Lạt Ma) đề xướng là một cuộc cách mạng tâm linh.

Tại sao chúng ta bỏ quá nhiều thời giờ để thảo luận về Tứ Thư, Ngũ Kinh. Một hệ thống tư tưởng có quá nhiều khe hở để nhóm thống trị **lúc nào cũng lợi dụng được** khiến người dân Tàu sống dưới chế độ độc tài chuyên chế hơn hai ngàn năm qua. Hiện nay, tập đoàn Hồ Cẩm Đào đang phục hồi tư tưởng Khổng Tử để dân Tàu vui vẻ nghe theo lời dạy của Khổng Tử, ngoan ngoãn sống dưới chế độ Cộng sản độc tài, độc đảng.

Trên 60 năm từ 1929 - 1968, ông Krishnamurti kêu gọi phải tuyệt đối khẩn thiết phát động một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người.

Ông Osho nhằm khai mở nguồn suối tâm linh đưa con người đến ánh sáng giác ngộ.

Hiện nay Đạt Đạt Lai Lạt Ma kêu gọi một cuộc cách mạng tâm linh và cố gắng tìm một con đường phục vụ toàn nhân loại mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo.

Như vậy, với ý thức tự chủ và sáng tạo con người vận dụng tình thương vào cuộc sống trên nền tảng của trí tuệ và hài hòa qua lăng kính thượng tôn luật pháp để giải phóng chính mình.

***T.T Nam:** Theo lịch trình, tuần sau mới đến lượt anh T.N.Anh phát biểu ý kiến. Nhưng cuối tuần này anh Anh phải đi xa, giải quyết việc nhà cho các cháu của anh. Hôm nay, anh C.H.Lê phát biểu ngắn gọn để tất cả thời gian còn lại cho anh Anh.*

***C.H.Lê:** Có những người đọc sách rất nhiều mà không tiêu hóa được; cho nên thường mắc phải chứng bệnh chỉ biết và chỉ tin những điều sách nói thôi.*

Những gì họ nói, hay viết, đều được dẫn chứng rất đầy đủ, rằng họ đã lấy từ sách nào và của những ai đã nói ra những tư tưởng như thế.

Cách học của các vị này thật là công phu. Nếu họ đi thi thì thế nào cũng đậu được những bằng cấp thật cao như Thạc sĩ, Tiến sĩ v...v....

Đại đa số quần chúng, có học hay không có học, đều rất kính trọng họ, vì họ là những người khoa bảng, những tinh hoa của một dân tộc.

Thế nhưng cứ nghe những gì họ nói, đọc những gì họ viết, thì người ta sẽ có cảm tưởng rằng đó **chỉ là sách của họ nói chứ không phải họ nói!**

Tây nó gọi những người như thế là loại **“Thông minh sách vở”** (intelligence livresque), còn những nhà **trí thức đích thực** thì lại gọi họ là những con bò bệnh, bởi vì những con bò bệnh ăn cỏ nhưng không tiêu hóa được nên lại “ỉa” ra cỏ.

Ấy là chưa kể những điều các ông Thánh, ông Hiền trong sách của họ nhiều lúc cũng **chưa nói lên được chân lý**. Có khi lại còn bóp méo những chân lý cho thành một thứ **ngụy chân lý** để phục vụ một ý đồ nào đó.

Ngoài ra sách vở còn có thể đưa ra những điều không phải là sai nhưng chỉ chưa **“tới bến”**, mà lại không cập nhật, vì những điều đó đã bị những khám phá mới vượt qua rồi.

Cứ đọc một đoạn ngắn của một tác giả sau đây ta cũng thấy chưa có gì là **“sâu”** là **“sát”** mà nhất là nó lại chưa **“tới”** nữa!

“Chúng ta cũng không thể phủ nhận chính trong những ràng buộc khởi đi từ tinh thần Nho Giáo, đã nảy sinh ra tình người, tình gia đình, tình xóm giềng mà đến ngày hôm nay, dù đã qua đến đầu thế kỷ 21, làng xã Việt Nam ở nông thôn vẫn tiếp tục duy trì các truyền thống từ đạo Nho”

Như thế, phải chăng **dân tộc ta** chỉ có **tình người, tình gia đình và tình xóm giềng** kể từ ngày tổ tiên chúng ta tiếp xúc với văn hóa Tàu trong 1000 năm nô lệ phương Bắc?

Trước đó thì dân tộc ta đã sinh sống như thế nào mà các Vua Hùng của chúng ta lại đã thành lập cho chúng ta một nước Văn Lang nhỉ? Không lẽ dân tộc ta lại sinh sống như một bầy thú hoang dã, không hề có Văn Hóa gì cả sao? Bởi vì chỉ có loài cầm thú mới không có văn hóa thôi.

Tại sao chúng ta lại không thể **về nguồn** xa hơn một chút, bắt đầu từ **Văn Hóa Hòa Bình** mà cả thế giới đều hay biết?

Nền Văn Hóa Hòa Bình là một nền văn hóa nông nghiệp **“Trồng Lúa Nước”**, rồi từ đó loài người có thể **định canh và định cư**, từ đó phát sinh ra **tình người, tình gia đình, tình xóm giềng**. **Điều đó đã có từ trước khi có Nho giáo hàng ngàn năm!**

Những điều mà tổ tiên của dân tộc ta đã có rồi (có từ lâu rồi) thì đâu cần phải nhờ một thứ văn hóa ngoại lai nào khác mới có được?

Tôi xin kể một câu chuyện:

Một Đại tộc ở một làng quê trù phú của nước ta; từ nhiều thế hệ đã có truyền thống thổi một nồi cơm gạo Tám, một thứ gạo thơm ngon, trân quý nhất mà chỉ có Đại tộc này sản xuất được, dâng lên bàn thờ, cúng tổ trong ngày giỗ tổ của giòng họ, hằng năm sau mỗi mùa gặt mới.

Năm đó, một người con lớn đã thành danh đỗ đạt, đi làm việc quan ở trên tỉnh, trước khi về giỗ tổ đã ghé vào một tiệm cơm Tàu mua cơm thố và thịt quay đem về góp giỗ.

Đó là một việc lạ lùng đối với người dân nông thôn, chưa bao giờ xảy ra.

Từ đó người ta truyền miệng nhau khen người con đó là có hiếu vì đã dâng lên bàn thờ tổ thố cơm Tàu.

Vài chục hay vài trăm năm sau chuyện biến thành: “chính nhờ những thố cơm Tàu mà đại gia tộc đó mới biết và có truyền thống dâng cơm lên cúng tổ!”

Xin cứ suy ngẫm xem sự thật của việc cúng tổ bằng nồi “cơm mới” sau khi thu hoạch vụ lúa mùa nó như thế nào đây?

T.T.Nam: Xin lỗi, anh Lê tạm ngưng ở đây, tuần sau sẽ tiếp theo. Xin mời anh T.N.Anh.

T.N.Anh: Cám ơn các anh. Trước hết, xin trình bày những điểm mà tôi đồng thuận với các anh đã phát biểu trong ba tháng qua. Tôi xin chia sẻ rất nhiều ý kiến trong cuộc thảo luận. Nhưng hôm nay, chỉ nêu lên những điểm chính yếu mà tôi đã ghi nhận được trên giấy trắng mực đen.

Bận việc nhà, không đến họp mặt được, anh Thành nhờ tôi đọc lời kết luận của đề tài mà anh ấy đã trình bày trong tuần vừa qua.

Cần thể hiện tinh thần khai phóng trong ý thức chuyển hóa tâm thức, đem sinh lực của con người vun bồi vào sinh khí dân tộc, đồng thời hội nhập vào dòng sinh động của trào lưu khoa học, tin học ngày nay; tư tưởng cũng phải được trân quý trong tự do, như là không khí cần cho sự hô hấp mà con người dùng để khai phóng và sáng tạo, chứ không lập một khuôn mẫu nào cả.

Cứ tự nguyện ***lão hóa tri thức của mình***, đưa hai tay với tất cả con tim và khối óc dậm chân tại chỗ chống đỡ sức đè nén của cái cùm tư tưởng được gia tăng sự cần cỗi và sức năng theo thời gian đến nỗi chính dòng người truyền thừa nhau, cuối mắt nhìn xuống để không thấy khoảng trời bao la đầy hoa gấm để phong phú hóa cuộc sống nối tiếp nhau bừng sống dưới ánh sáng mặt trời và các tinh tú.

Hình ảnh trung thực nhất của giới nho sĩ Việt Nam khi nhìn vào văn miếu ở Hà Nội, con rùa nho sĩ bị đè nặng trên lưng khối đá tư tưởng tù đọng nằm chịu trận với thời gian.

Tôi xin trình bày điểm thứ nhất:

** Dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự, vì văn hóa là linh hồn của một dân tộc (Nguyễn An Ninh - Lý Tưởng Của Thanh Niên Việt Nam).* Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lê, ý thức hệ, tôn giáo và "khuôn vàng thước ngọc" của Khổng Mạnh, tất cả đều là văn hóa ngoại nhập. Chúng ta chỉ có thể thâm hóa, du nhập, tiếp nhận những điều tốt mà phù hợp với tâm tình của người Việt Nam để làm giàu, phong phú cho văn hóa dân tộc.

Chúng ta đã đồng thuận, trước khi tam giáo (Nho - Lão - Phật) du nhập vào Việt Nam (200 năm trước Tây lịch) **thì Việt Nam không có tôn giáo**; ông cha ta chỉ chú trọng đến việc **phát triển tâm linh**. Tâm linh đồng nghĩa với tình thương, bao dung, hài hòa, v...v... Tâm linh không có giáo điều, giáo chủ, v...v... Trong giao lưu "văn hóa", ông cha ta coi **những yếu tố ngoại nhập**, như rế, như "giày" "dép":

*Có rế thì đỡ nóng tay
Có dép, có giày thì đỡ nóng chân*

Hoặc

*Ăn sung thì nằm gốc sung
Lấy anh thì lấy, năm chung không năm.*

Giày, dép, rế (Nho - Lão - Phật) không phải là bản sắc của dân tộc Việt Nam

Điểm Thứ hai: Tôi đồng ý về nguồn một cách sâu sắc và rõ ràng thì không thể ngừng ở Tam Giáo (Nho - Lão - Phật). Về nguồn không phải là trở về với văn hóa Đông Sơn với trống đồng Ngọc Lũ, thời đại tam giáo chưa du nhập vào Việt Nam.

Về nguồn cũng không phải trở về với những đặc tính của văn hóa Phùng Nguyên, thời đại các vua Hùng dựng nước. Thời đại mà ông Khổng Tử, thái tử Tất Đạt Đa, chúa Jesus chưa có mặt trên trái đất này.

Vượt xa hơn nữa, vượt qua văn hóa Bắc Sơn, với cái rìu Bắc Sơn nổi tiếng trên thế giới, đến tận văn hóa Hòa Bình. **Nơi xảy ra cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước**; ở đâu có nông nghiệp ở đó khởi đầu văn minh nhân loại; “nơi” có nếp sống định canh định cư; định cư đồng nghĩa với tương nhượng, hài hòa;

*Ai nhất thì tôi thứ nhì,
Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba*

Hoặc

*Chín bỏ làm mười
“HÒA CẢ LÀNG”*

Nói cách khác, “nơi” có nếp sống tương nhượng hài hòa **trong xóm làng** (hòa cả làng): “Văn hóa Việt Nam là văn hóa xóm làng”. Từ những tính chất đặc biệt (đặc tính) nền văn hóa trồng lúa nước - tương nhượng, thích nghi, hài hòa, tinh thần nhân bản mang tính tương trợ, tương thân, tương ái với tập quán “**Có việc thì đến, hết việc thì đi**”, đầy tính người, v...v...bước vào ngôi nhà tâm linh Việt, cảm nhận Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên), nơi chứa đựng tinh hoa/tinh rờng/ hằng số của nền văn hóa Việt, chứ không phải Tứ Thư Ngũ Kinh của ông Tàu Khổng Tử, gốc du mục với chủ trương Hưng Hoa diệt Di và tông Chu.

Một học giả Mỹ, không có tâm Việt, hồn Việt, chỉ với đầu óc khách quan, không bị điều kiện hóa bởi tam giáo **vẫn nhận ra được đặc thù của văn hóa Việt**. Khi luận bàn về Văn hóa Việt Nam ông ví Việt Nam như “một cây gậy nhìn bề ngoài thấy phủ một lớp sơn Tây mông; cạo lớp sơn ấy đi, vẫn thấy phủ một lớp sơn tàu có phần dày hơn; song cạo tiếp lớp sơn tàu ấy nữa, thì lộ ra cốt lõi gậy tre Việt Nam.

Còn một lớp sơn Ấn Độ (Phật Giáo) khá dày mà học giả quên không nói tới.

Tiến sĩ H.R. Ferrage cho rằng nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính chất “không từ chối” của nó: tự mình, nước biết “**gạn đục khơi trong**” như là người Việt Nam. Ý ông muốn nói người Việt Nam tự mình gạn đục khơi trong như nước.

Thực ra, nó chỉ có một chồi từ; sự đồng hóa cưỡng bức, còn lại, nó tìm cách dung hóa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam Đảo, của Tây Âu,... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật.. (Trần Quốc Vương sđd trang 44).Tiếp nhận, hội nhập có đãi lọc, nên luôn luôn duy trì được bản sắc riêng, vẫn giữ được phong thái Việt Nam.

Điểm thứ ba: Văn chương bác học Việt Nam từ xưa đến nay “vàng thau lẫn lộn”, vừa dân tộc vừa phi dân tộc. Tư tưởng phi dân tộc, vọng ngoại, mất gốc này tuy thiếu số, nhưng lại có uy thế vũ lực và quyền lực to lớn hơn đại đa số người dân có tư tưởng dân tộc.

Hơn nữa, xu hướng thân Tàu của Hà Nội - nô lệ tư tưởng Tàu - lại được đa số khoa bảng Việt Nam ở trong nước và hải ngoại tiếp tay tích cực phổ biến văn học, tư tưởng, triết học, danh nhân Trung Quốc; đồng thời hòa theo tập đoàn Hồ Cẩm Đào phục hồi tư tưởng của Khổng Tử, với ý đồ dùng “khuôn mẫu tư tưởng luân lý của Khổng Tử” củng cố chế độ độc tài chuyên chế như các triều đại từ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã vận dụng tư tưởng Khổng Mạnh và môn sinh của ông để giữ ngai vàng; dùng người Tàu kể cả dân Bách Việt bị Tàu hóa làm phương tiện thực hiện tham vọng bành trướng và tư tưởng bá quyền, thể hiện não trạng du mục, hội chứng Đại Hán.

Ông Bá Dương, một học giả Trung Quốc đã viết: Trung Quốc có lịch sử 5.000 năm. Trong 5.000 năm ấy, lực lượng phong kiến chà đạp lên phẩm giá, nhân tính con người không phải ngày càng giảm thiểu mà ngày một gia tăng (Bá Dương, sđd, trang 85).

Người có tâm Việt, hồn Việt sẽ nhận ra được Khổng Tử là người đi khắp nơi thuyết phục các chư hầu đa số thuộc tộc Bách Việt - phục tòng chế độ nhà Chu và văn hóa Chu, văn hóa gốc du mục, với chủ trương củng cố và phát triển chế độ nô lệ. Về chính trị, Khổng Tử chủ trương ***hưng Hoa diệt Di***, kỳ thị chủng tộc.

Khổng Tử là một trong những trí giả gốc du mục, nhận thức được hiểm họa văn hóa du mục bị thuần hóa bởi văn hóa trồng lúa nước. Khổng Tử đã cố uốn nắn các ưu điểm của văn hóa phương Nam, với ý đồ phục vụ thể chế du mục nhà Chu.

Quản Trọng là ông tướng tài giỏi; đã phối hợp văn hóa và quân sự dẹp yên các chư hầu, đa số thuộc tộc bách Việt, sống ở vùng châu thổ sông Hoàng Hà (Bình thiên hạ) để Tề Hoàn Công xưng Bá thời Xuân Thu. Với chủ trương “Hưng Hoa diệt Di” Khổng Tử đã khen Quản Trọng hết lời : “Quản Trọng đã làm ơn cho hậu thế, vì nếu không nhờ ông thì chúng ta (Tàu) đã trở thành mọi rợ (Bách Việt), gióc tóc ngắn, mặc áo, gài nút bên trái.

Khổng Tử chủ trương tòng Chu, hưng Hoa diệt Di (Bách Việt) kỳ thị chủng tộc (qua lời khen Quản Trọng, coi Bách Việt là mọi rợ), miệt thị dân chúng, khinh bỉ đàn bà...Như vậy

thuật nhi bất tác chỉ là lối **nhân nghĩa và đạo đức giả** của Khổng Tử với mưu đồ đồng hóa và diệt chủng các giống dân Tứ Di, tức Bách Việt.

Thuật nhi bất tác, tính nhi hiếu cổ (không sáng tác kinh điển mà chỉ sang định, chỉ thuật lại đạo cổ xưa) chỉ là cố uốn nắn khéo léo cái ưu điểm của văn hóa Bách Việt để che giấu hoài bão phục hồi thể chế nhà Chu, trong sách lược hưng Hoa diệt Di).

Ngoài (nước ngoài) thì coi thường nước khác, dân tộc khác, đối lập Hoa Hạ với Tứ Di, trong (trong nước) thì coi thường dân chúng, coi thường phụ nữ, đối lập người quân tử (cai trị) với kẻ tiểu nhân (dân chúng). Khổng Tử nói tới dân chúng ở nhiều chỗ với một giọng rất miệt thị, coi thường ; “dân chúng có thể khiến họ theo, chứ không thể giảng cho họ hiểu được” (Luận Ngữ, Thái Bá 9). Ông nhiều lần tỏ ra khinh bỉ dân chúng một cách rõ rệt: “sở dĩ người quân tử không muốn ở chung với đám hạ lưu vì bao tội ác trong thiên hạ dồn cả về đó “ (Luận Ngữ, Tử Trương 20). Nói đến phụ nữ ông bảo: chỉ hạng đàn bà và tiểu nhân là khó dạy. Gần thì họ nhờn, xa thì họ oán (Luận Ngữ, Dương Hóa 25) - Trần Ngọc Thêm - Tìm về bản sắc văn minh Việt Nam, nxb thành phố hcm năm 2001, trang 482 - 483.

Với chủ trương dùng nhân nghĩa - thuật nhi bất tác - ở đầu mũi chót lưỡi, tức lời nói khác với hoài bão của mình để thay cho việc binh đao.

Cái đạo đức chuyên lấy của người - thuật nhi bất tác - khéo léo uốn nắn theo nhu cầu của mình, đánh lừa thiên hạ với dã tâm đồng hóa các giống dân khác thành người Tàu. Đó là sách lược lùì không đánh, giả bộ lấy đạo đức của người và đồng hóa họ làm dân mình. Hòa nhi bất đồng của văn minh Hoàng Hà là cái màn che giấu mưu đồ thâm kín, hòa để mà hóa của người thành của mình. Cho nên “hòa” gốc du mục khác hẳn với “hòa cả làng” của văn minh sông Hồng, phát xuất từ nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước (Văn hóa Hòa Bình).

Đây là sách lược vô cùng thâm độc của họ Khổng. Đó đó Mặc Tử đề xướng thuyết Kiêm Ái (thương mọi người) để chống lại lối giả nhân nghĩa của Khổng Tử. Còn Lão Tử chủ trương bình đẳng, tự do, sống hài hòa với thiên nhiên, trở về với sự chất phát, thuần lương là những giá trị đi ngược lại với chế độ phong kiến nhà Chu, kiến dựng trên quân quyền, phụ quyền và nam quyền.

Chủ nghĩa bành trướng là nét đặc thù độc đáo nhất trong sự hình thành nước Trung Hoa với bệnh **hội chứng Đại Hán**, từ triều đại này qua triều đại khác, quyết tâm xóa sạch Văn hóa Bách Việt một cách có hệ thống, từ Quản Trọng, Khổng Tử cho đến Tôn Dật Tiên, Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông và kéo dài đến ngày nay.

Điểm thứ tư: tôi cũng chia xe với các anh là đa số người ngoại quốc Anh, Úc, Mỹ, Pháp nhận ra được văn hóa Việt Nam là **văn hóa xóm làng**, họ đã và đang đến nông thôn Việt Nam (cái nôi của văn hóa Việt) để nghiêng cứu tìm hiểu những nét đặc thù của văn hóa Việt.

Không thể *tim triết lý sống* cũng như cốt lõi của tư tưởng Việt, đạo sống Việt trong sách vở của Tàu mà *ở tại chính trong bản thân thực nghiệm của dân tộc* còn đang tiếp diễn sinh động trong đời sống của dân tộc Việt Nam nơi *xóm làng*.

Người ngoại quốc cũng nắm bắt được văn hóa Việt Nam là *văn hóa truyền miệng* (văn hóa dân gian) nên có một số đã và đang học tiếng Việt để đọc khối lượng ca dao tục ngữ vô cùng phong phú, *có một không hai trên thế giới*. Họ nhận ra được ca dao tục ngữ là tiếng nói tâm thức của dân tộc Việt Nam. Hiện nay cô Martha Lackritz, người Mỹ, đã dịch 500 câu ca dao, cô dự định xuất bản ở Mỹ 1000 câu ca dao. *Dân Việt sống nơi làng mạc* đã lớn lên qua lời ru đầy tình người, đầy tình tự dân tộc *thấm sâu vào lòng người Việt* từ thuở nài nôi. Trên 90 phần trăm dân Việt lớn lên cùng ca dao, tục ngữ mà qua đó họ nắm bắt được các yếu tố của đạo sống Việt, giúp họ biết được bổn phận cũng như cách ứng xử cho hợp đạo, hợp lý, hợp tình đối với cá nhân, gia đình, làng xóm cho đến đất nước. Trong quá khứ, mặc dù rất nhiều người Việt không đến trường học, nhưng họ chỉ cần trang bị những kiến thức truyền khẩu đó mà vẫn biết sống để trở nên trai hiền dâu thảo, yêu nước, thương nòi...

Một số khác, ý thức văn hóa Việt Nam là văn hóa chìm, *văn hóa tâm linh*, nên họ lắng lòng bước vào ngôi nhà tâm linh Việt: *các huyền thoại Việt Nam*. Nếu ca dao, tục ngữ giúp chúng ta có được những kiến thức vỡ lòng về đạo sống Việt, thì các huyền thoại được mã hóa qua những biểu tượng ẩn dụ đã chắt chứa các *nguyên lý* thiết yếu và sâu xa của đạo sống Việt, triết lý sống hài hòa. Ở một cấp độ cao hơn trong việc bảo vệ và phát triển cấu trúc gia đình, làng xã, cộng đồng và đất nước. Huyền thoại là tiếng nói tâm thức của dân tộc, mất bộ huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ tổ tiên và mất luôn căn bản trong việc xây dựng tiền đồ dân tộc (Wallace Cliff)

Ca dao, tục ngữ, huyền thoại... đều là sản phẩm của tập thể dân tộc, là tim óc của cả lớp người có kiến thức văn tự lẫn lớp người có kiến thức thực nghiệm của cuộc sống.

Trải qua nhiều đời, ta bị nhào nặn, tô điểm, thêm bớt, bị sơn phết lên trên nhiều lớp sơn văn hóa, tín ngưỡng đã giao lưu với nền văn hóa Việt qua thời gian.

Cái khó của người muốn tìm hiểu các thông điệp đích thực của tiền nhân là ngoài việc giải mã các ẩn dụ, biểu tượng trong các huyền thoại, cũng như ý nghĩa của ca dao, tục ngữ, họ còn phải cạo bỏ các lớp sơn giao lưu văn hóa (như chữ trời trong ca dao chẳng hạn) để tiến đến cốt lõi của đạo sống Việt, triết lý sống Việt...

Điểm thứ năm: Chúng ta đã đồng ý làm sáng tỏ ý nghĩa lời phát biểu của Hồ Hữu Tường một cách cụ thể và thiết thực: “Tôi muốn cất tiếng **kêu to**. Kêu thật to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có **một giọng tha thiết**. Thực tha thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những **luận điệu đanh thép**. Thật đanh thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin... để cùng tôi đem

một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt (Tương Lai Văn Hóa Việt Nam, in lần thứ ba, Huệ Minh, Sài Gòn 1965).

“Cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu” là cái gì? Phải chăng đó là **minh triết đời sống, được thể hiện qua nếp sống thực** trên nền tảng của tinh thần nhân bản và nhân chủ đích thực, với **đạo lý thương người như thể thương thân**.

Hiện nay, loài người chỉ nói đến nhân bản, nhân chủ mà chưa bước vào con đường nhân bản, nhân chủ đích thực, qua nếp sống, mà thực tại là tiêu chuẩn của chân lý.

Những học thuyết, hệ thống triết học, những cuộc thảo luận, sách vở kinh điển nói về nhân bản nhân chủ, **không phải là nhân bản nhân chủ đích thực**. Lời nói, chữ nghĩa không phải là “sự thật”, không phải là “thực tại” (cái đang diễn ra trước mắt). Chữ nghĩa chỉ nói về sự thật, chứ không phải là sự thật.

Chắc chắn con đường nhân bản (lấy con người làm gốc) và nhân chủ là **xu hướng tất yếu** của loài người trong những thập niên tới; sẽ bùng vỡ ra để con người trở về với con người và cuộc sống, ngõ hầu thể hiện giá trị nhân bản đích thực của nó trong đời sống đang sinh động.

Điều thiết yếu là nhân bản, vì không có con người thì không có gì cả..., không có nhân chủ.

Không nên đặt cái cày (nhân chủ) trước con trâu (nhân bản). Rễ sâu gốc vững (nhân bản) thì cành, ngọn, lá mới xanh tươi (nhân chủ).

Trên bình diện tâm lý và xã hội, **nhân chủ** là tinh thần cao độ của một tập thể con người, lấy con người làm gốc trong mọi sinh hoạt tinh thần và vật chất ton trọng sự sống (nhân bản), chấp nhận dị biệt, hài hòa với chính mình, làm chủ bản thân, hài hòa với tha nhân và với thiên nhiên: hòa cùng vũ trụ.

Chỉ có tập thể con người **“biết sống thực”**, sống trọn vẹn với thực tại (cái đang diễn biến trước mắt) thì mới ý thức **tự chủ** và **sáng tạo**.

Chỉ có tập thể con người “sống thực”, không bị điều kiện hóa bởi những khuôn mẫu, ý thức hệ, giáo điều, những mảnh vụn của chân lý mới cùng nhau kiến lập một nền văn hóa mới, thích hợp với những khám phá của khoa học kỹ thuật hiện đại trong những thập niên tới. Đó là nền văn hóa hòa bình, nhân bản và dân tộc, **mang tính khai phóng** và dung hóa trong **giao lưu qua lăng kính dân chủ, dung hợp được tự do và công bằng**.

Ông cha ta đã dạy:

*Trăm nghe không bằng một thấy
Trăm thấy, không bằng một lần trải qua.*

Ngày xưa, tổ tiên chúng ta ***đã trải qua một thời gian khá dài với nếp sống nhân bản nhân chủ; rồi sau đó dần dần bị văn hóa ngoại nhập làm lu mờ đi***, nhất là thời kỳ giao lưu văn hóa với Tàu.

Tinh thần nhân bản nhân chủ trong nền văn hóa Việt - văn hóa trồng lúa nước - không phải từ trên trời rơi xuống, hay do một người đấng nào đó hoặc do một hệ thống triết học chỉ dạy cho dân tộc Việt Nam; mà do tình gia đình (tình mẹ con, cha con, lòng hiếu thảo), môi trường sống (khí hậu nhiệt đới gió mùa với những đồng bằng phù sa trù phú), cách làm ăn (trồng lúa nước) với nếp sống tương nhượng ***quần cư*** hài hòa trong xóm làng (xã thôn tự trị) đã ***tôi luyện hun đúc nên***.

Sống với nghề trồng lúa nước ổn định lâu đời, ông cha ta sớm ý thức ***vai trò của con người vô cùng quan trọng*** chẳng những vì nhu cầu điều hợp qua sự vận dụng trí thức thực nghiệm mà còn vì sự đóng góp công sức lao động trong tiến trình canh tác phức tạp của nghề trồng lúa nước.

Thực tế cho thấy dù đất đai màu mỡ, dù mưa thuận gió hòa rất thích hợp cho việc cày bừa, gieo trồng nhưng không có con người thì việc trồng trọt, cày cấy không thể thực hiện được.

Tất cả quy về người, rồi từ người mà ra mọi việc, mọi sự, mọi hoạt động, mọi suy nghĩ và v... v....

Mặt khác, muốn thu hoạch được kết quả tốt đẹp trong việc trồng lúa nước, nông dân ***phải chủ động*** quan sát các hiện tượng thiên nhiên. Nói gọn một câu:

Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn.

Nghĩa là quan sát hiện tượng thiên nhiên thời tiết (trông trời trông đất...) để quyết định công việc trồng trọt.

Nếu mưa to, gió lớn, giông bão nổi lên nông dân không dại gì mà cày bừa, gieo mạ, cấy lúa trong những trường hợp đó.

Nếu trời trong biển lặng, nông dân mới yên tâm làm mùa màng. Điều trên chứng tỏ rằng quyết định làm hay chưa làm là do con người. Nói cách khác, con người chủ động mọi sinh hoạt của con người.

Như vậy, con người tự mình quyết định những công việc phải làm, chứ không phải đó là do ý muốn của thần linh hay bất cứ yếu tố nào ở bên ngoài con người. Con người tự mình làm chủ chính mình. triết học gọi đó là ***trinh thần nhân chủ***.

Dù trải qua hơn 1000 năm bị Bắc thuộc, với chính sách đồng hóa vô cùng thâm độc và hơn 10 thế kỷ giao lưu văn hóa, (từ năm 939 cho đến ngày nay) đa số nho sĩ, khoa bảng, trí thức, một số dân chúng sống trong các đô thị chịu ảnh hưởng sâu đậm sách vở văn hóa Tàu, nhưng làng xã ở nông thôn vẫn tiếp tục duy trì truyền thống nhân bản qua ca dao, tục ngữ trong quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở (giáo dục nhân bản tâm linh) của nền văn hóa Việt.

Trinh người còn được thể hiện qua lòng thương dân của các vua dưới thời Lý, Trần, thời kỳ phục hồi được phần nào tinh hoa của văn hóa Việt.

Vua Lý Nhân Tông, vị Hoàng đế độc nhất trong lịch sử nhân loại, với di chiếu cho hoàng tộc và quần thần ***không được xây lăng***. Lòng thương người thể hiện qua lòng thương dân như thế vô cùng vĩ đại.

Vào mùa đông năm 1052, vua Lý Thánh Tông nói với đình thần: Trẫm ở trong cung sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù bị giam trong ngục khổ sở về gông cùm, chưa rõ ngay gian, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, Trẫm rất thương xót. Vậy lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu, cấp cơm ăn ngày hai bữa (ĐVSKTT 1 trang 271)

Sự việc trên cho thấy vua coi người bị giam là vô tội cho tới khi có bằng chứng ngược lại và được đối xử nhân đạo. Lẽ lối tư duy pháp lý của vua không khác với nguyên tắc của luật nhân quyền hiện đại về sự phỏng đoán vô tội cho tới khi bị kết tội trong một phiên tòa xét xử. Đây là niềm tự hào của dân tộc trong lịch sử nhân quyền tại Việt Nam.

Trong lịch sử nhân loại, không có ông vua nào so sánh “thân mình” với thân của người tù đang bị giam trong ngục. Đó là một viên ngọc quý trong nền văn hóa Việt.

Năm 1126, vua Lý Nhân Tông ra chiếu chỉ “cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây” (Đạo Việt Sử Ký Toàn Thư, trang 294)

Nhìn lộc non vừa nhú lên trong mùa xuân đầy nhựa sống với biết bao niềm vui. Chặt cây cối trong mùa xuân là diệt ***mầm sống***, là phá hoại thiên nhiên, tức mình tự hủy diệt đời sống của mình. Chỉ có những con người trưởng thành trong nền văn hóa đặt nền tảng trên sự cảm nhận Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên) mới có lẽ lối cảm xúc với cỏ cây cùng vạn vật muôn loài.

Năm 1371, vua Trần Nghệ Tông xuống chiếu rằng xây dựng cung thất cốt sao cho giản dị, mộc mạc chỉ lấy các tảo dân tôn thất phục dịch, **không phiền nhiễu đến dân** (Đạo Việt Sử Ký Toàn Thư II, trang 240)

Tình người được thể hiện qua lòng thương dân của vua đến thế là cùng.

Truyền Thống Nhân Bản: đã được kế thừa và phát huy rực rỡ nhất với bộ luật Hồng Đức năm 1843 dưới đời vua Lê Thánh Tôn. Hầu hết các luật gia trên thế giới đều đánh giá cao **tính chất nhân bản trong bộ Luật Hồng Đức.**

Chính tinh thần **nhân bản** với **lòng thương người** sâu sắc như thế, cùng với **nhân sinh quan** coi mọi người như anh em ruột thịt cùng một mẹ sinh ra qua cách xưng hô (chú, bác, cô, dì...) **giải thích lý do tại sao Việt Nam không có chế độ nô lệ trong suốt chiều dài lịch sử.**

Nữ lòng nào thiết lập chế độ nô lệ với chú, bác, cô, dì, anh, chị em mình như Tây phương và Trung Quốc hoặc phân chia đẳng cấp khắc nghiệt như Ấn Độ và Nhật.

Như đã trình bày ở trên, tình người bắt đầu từ tinh thần nhân bản trong nền văn hóa trồng lúa nước được thể hiện đậm nét trong việc cứu giúp nạn nhân bão lụt một cách nồng ấm qua hai cơn bão Katrina và Rita vừa qua của cộng đồng Việt Nam tại Houston (năm 2005) đã được báo chí Mỹ đánh giá cao.

Mặt khát, nồi xôi ở giữa chợ Hồng Kông/ 4 thể hiện nhân sinh quan của dân Việt:

*May ta ở chốn bình yên,
Thấy người hoạn nạn, nữ quên sao đành.*

Chiều hôm trước, chuẩn bị nếp, đậu, đường, dứa v...v... bà mẹ đã để hết tâm tư tình cảm vào hành động mình; sáng hôm sau, dậy sớm nấu nồi xôi với tình người...Tất cả hành động đầy tình người đó khiến người trong gia đình học được bài học về tình thương một cách cụ thể thiết thực, không qua sách vở kinh điển.

*Thấy người hoạn nạn thì thương,
Thấy người đói khát thì **nhường miếng ăn.**
Thương người, **bớt miếng mà cho***

Nồi xôi ở giữa chợ Hồng Kông 4 nhắc nhở lời dạy của tổ tiên:

*“Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.”
“Lá lành đùm lá rách”*

“*Một miếng khi đói bằng một gói khi no*”

Nồi xôi ở giữa chợ Hồng Kông 4 là **biểu tượng của văn minh nhân loại**. Văn minh là tình người, là lòng tương trợ, là chia sẻ, là chấp nhận dị biệt, là chung sống hài hòa, chứ không phải vũ khí bom đạn đủ loại, không phải là bạo lực, chiến tranh khắp nơi, giành giật nhau từ vật chất đến linh hồn.

Nồi xôi ở giữa chợ Hồng Kông 4 là hình ảnh nói lên người Việt cần phải đem tình người gieo rắc khắp nơi trên hành tinh đầy mâu thuẫn này.

Đạo lý của người Việt Nam là thương người như thể thương thân.

N.V.An: Xin anh cho biết ý kiến về sự liên quan giữa thiên nhiên, con người và thần linh?

T.N.Anh: Từ ngàn xưa, ông cha ta đã hóa giải được mâu thuẫn giữa con người, thiên nhiên và thần linh. Đó là vấn đề mà người Tây phương hiện nay vẫn còn tranh cãi quyết liệt đến tàn sát lẫn nhau.

Tư tưởng Việt từ ngàn xưa đã khẳng định:

Thiên nhiên: Thời tiết bốn mùa, mưa, nắng, nóng, lạnh v.v...là hiện tượng luôn luôn biến động, theo qui luật của thiên nhiên, ngoài khả năng chi phối và **hiểu biết tận cùng** của con người. Con người thích nghi, hài hòa với thiên nhiên để tồn tại và phát triển, hòa cúng vũ trụ.

Đất, nước, núi, sông, rừng, biển là phương tiện tạo dựng nên cuộc sống, **lẽ sống**, cách sống, đời sống của con người. Khí thiêng sông núi, tinh hoa đất nước, khí hậu địa phương hòa hợp với lối sống, cách sống với cuộc sống chung đúc tạo nên bản chất và phong hóa ảnh hưởng đến phong cách sống và lẽ sống của đời người.

- **Con người:** Lấy **sự sống** làm căn bản cho suy tư, tư tưởng. **Thực tại là tiêu chuẩn của chân lý** con người nhỏ bé trước thiên nhiên bao la, giông tố, nóng lạnh, bão lụt v.v...

Vì sự sống còn, con người cần hợp quần (quần cư hài hòa trong xóm làng) đối công/vấn công, có việc thì đến hết việc thì đi, tương trợ nhau để xây dựng cuộc sống và bảo vệ trường tồn đời sống.

Thực tế cho thấy những vấn nạn của con người chỉ có con người tự giải quyết. Đời sống con người vui tươi hay đau khổ, hòa bình hay chiến tranh đều do con người tự quyết định và tạo lập lấy. Tất cả sự sống, lẽ sống, cách sống tiềm ẩn trong cuộc đời đều bắt nguồn từ con người và cho con người.

Không có con người thì không có gì cả, không có kinh tế, chính trị, đạo đức, tôn giáo v.v...Không có con người, vũ trụ có đó nhưng có cũng như không, không có ý nghĩa gì cả, **sống thực chứ không phải sách vở kinh điển**. Sống thực, sống trọn vẹn với thực tại mới ý thức tự chủ và sáng tạo.

Sự sống luôn luôn sinh động, cho nên ông cha chúng ta không bao giờ giáo lý hóa (tôn giáo hóa) hay hệ thống hóa **“cái biết”** mà chỉ **sống trọn vẹn với cái biết** để luôn luôn cảm nhận với cuộc sống, với con người nói riêng và với Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên nhiên) nói chung.

Điều đó giải thích lý do tại sao trong nền văn hóa Việt “Không có khuôn mẫu”, không có công thức hóa, không có “Tử viết”, không có sách vở về triết học, **mà chỉ có triết lý sống** (triết lý sống Tiên Rồng, tức triết lý sống hài hòa - hòa cả làng) và chỉ có **tiếng nói tâm thức của dân tộc** qua ca dao, tục ngữ, huyền thoại...Văn hóa Việt là văn hóa truyền miệng, văn hóa xóm làng.

Như trên đã nói, chỉ có sống thực mới ý thức tự chủ và sáng tạo; **sáng tạo mới cảm nhận** với con người và sự sống trên nền tảng **thực tại là tiêu chuẩn của chân lý** và tiếp tục sáng tạo theo nhịp của đời sống.

Cảm nhận thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) và đời sống để học. Học để biết. Biết để làm. Làm để sống. Rồi vừa làm vừa học, làm đến đâu học đến đó. Biết đến đâu làm và sống đến đó. **Sống và làm để cảm nhận**. Cảm nhận để biết. Biết rồi “bảo nhau” cùng biết để thăng tiến con người.

Thăng tiến con người đồng nghĩa với thăng tiến xã hội, và ngược lại. Sống thực như thế mới ý thức được cuộc sống hiện tại, báo đáp được công đức của tổ tiên đồng thời định hướng cho con người trong tương lai.

Vì sống phải làm, mà làm thì tặng sự hiểu biết. Sống - Làm - Biết và ngược lại Biết - Làm - Sống. Chính sự **hiểu nghiệm** (sự hiểu biết được chứng nghiệm bởi kinh nghiệm sống), cái tri thức thực nghiệm trong đời sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, đã xây dựng triết lý sống Việt: Đạo sống Việt, **minh triết đời sống**

Thần linh: Con người lúc sống phục vụ lợi ích cho mọi người, cho xóm làng, cho dân, cho nước, nói chung là cho mọi người, chết trở thành thần linh trong lòng kính trọng và biết ơn của con người. Triết lý sống đó lâu dần trở thành **tín ngưỡng nhân thần** của dân tộc Việt và hình thành hướng phát triển tâm linh với biểu tượng thăng hoa như Tiên Rồng. Người thờ người, thờ nhân tính thì không có gì nhân bản hơn.

Thần linh đối với dân tộc Việt là “*nhân thần*” (Đức Thánh Trần, Hai bà Trưng v.v...) do khí thiêng sông núi và địa linh sản sinh nhân kiệt.

Thần là con người, lúc sống có công ơn cụ thể, thiết thực với con người, chết được người dân *tôn vinh là nhân thần*. Thật là nhân bản, văn minh nhân loại. Phải chăng điều này giải thích lý do tại sao thờ *Quốc Tổ Hùng Vương* mà không thờ vua cha là Kinh Dương Vương? Thờ là thờ cái công đức của vua Hùng trong việc thực hiện cuộc cách mạng văn hóa và phát triển đất nước.

Chính vì thế mà Trần Hưng Đạo được người dân tôn vinh là Thánh, mà vua Trần thì không được phong Thánh.

Xưa nay dân Việt vinh danh nhân thần đều không có sự tranh cãi đến gây chiến tranh như Tây phương. Hiện nay mâu thuẫn về tôn giáo vẫn còn xảy ra ở Anh Quốc, ở Trung Đông, ở khắp trời Tây.

Tóm lại, theo tư tưởng Việt coi thiên nhiên, con người và thần linh là ba yếu tố phối hợp hài hòa trong triết lý sống thái hòa: đó là “*minh triết đời sống*” (minh triết đời sống, chứ không phải minh triết kinh điển hay minh triết “Tử viết, sách vở...)

Ý thức *Trời - Người - Đất* (đầu đội trời chân đạp đất) *cùng một thể*, từ đó manh nha đặt cơ sở cho *ý thức phát triển tâm linh*, vốn đã nhen nhúm *trong sự gắn bó* của con người với thiên nhiên và thần linh (nhân thần) cũng như mối liên hệ thiêng liêng nối liền các thế hệ qua tục *thờ cúng tổ tiên*.

Nền văn hóa trồng lúa nước là một thể nghiệm sống của sự hòa điệu Trời - Người - Đất trong đó sức cần lao cũng như tri thức thực nghiệm của con người được ứng dụng và điều hợp một cách sáng tạo sao cho hòa nhịp và kết hợp với thời tiết (Trời) và đất đai để cho lúa được tốt tươi. Mối liên hệ giữa Trời - Người - Đất thật gần gũi, đồng cảm và đồng đẳng. Từ đó manh nha và lâu dần hình thành tinh thần nhân bản và nhân chủ.

Nền văn hóa trồng lúa nước là một thể nghiệm cụ thể của triết lý Trời - Người - Đất cùng một thể

Hiếm thấy và chưa có một nền đạo học nào trên thế giới diễn đạt được nhân sinh quan “Trời - Người - Đất” cùng một thể, một cách ngắn gọn mà đầy đủ ý nghĩa như triết lý sống của nền văn hóa trồng lúa nước qua bài thơ của ông Trần Cao Vân:

*Trời Đất sinh Ta có ý không,
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong.
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,*

*Trời Đất in Ta một chữ đồng.
Đất nứt Ta ra Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh mông
Trời che Đất chở Ta thong thả,
Trời Đất Ta đây đủ hóa công.*

T.V Bình: Anh nghĩ thế nào về tôn giáo ở Việt Nam?

T.N. Anh: Đức Đạt Lai Lạt Ma cho rằng “loài người có thể sống khá tốt đẹp mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng” ... “Một người có đức tin tôn giáo hay không cũng không quan trọng cho lắm. Điều quan trọng hơn nữa chính họ phải là người thiện lành” (Đạt Lai Lạt Ma, Đạo Lý Cho Thiên Kỳ Mới, NXB Văn Nghệ, Linh Thủy chuyển ngữ, tr 34).

Emile Durkheim, một nhà xã hội học Pháp trong cuốn *The Elementary Forms of the Religions Life* đã **tiên đoán sự tàn lụi của tôn giáo trong tương lai**: Tôn giáo sẽ được thay thế bởi tinh thần dân tộc vì không những nó có các yếu tố có tính hợp nhất thu hút của tôn giáo mà lại còn là một hệ thống tín ngưỡng đi **trực tiếp vào tâm hồn người dân**, không cần qua trung gian một tôn giáo nào.

Trong tương lai, biên giới quốc gia và chủng tộc sẽ bị xóa mờ vì không còn dân tộc nào thuần chủng mà chỉ còn những **nét đặc thù của mỗi dân tộc**. Trong xu hướng này ông cha ta sớm ý thức nên không nói con cháu Bách Việt mà tự xưng là **con Hồng cháu Lạc** hay con Rồng cháu Tiên.

Theo như lời tiên đoán của nhà xã hội học nói trên, tôn giáo nói chung, đạo Phật nói riêng sẽ **tàn lụi**. Có thể đúng, nhưng **“Phật Đạo”** “Lý duyên khởi” “vô thường” “không” vẫn tồn tại vì đó là những nguyên lý thường hằng của vũ trụ. Có Đức Phật hay không có, **những nguyên lý đó vẫn thế**. Đó là lời tiên đoán trong tương lai: có thể đúng, có thể sai. Nhưng sự việc đang xảy ra thì Đức Đạt Lai Lạt Ma cho rằng “không có tôn giáo nào có thể thỏa mãn được toàn thể nhân loại (sđd, tr 34).

Trong một nước cũng vậy, không một tôn giáo nào có thể thỏa mãn được toàn thể người dân. Trong hiện tình, phải có nhiều tôn giáo trong một nước. Đó là lẽ đương nhiên. Vậy phải chấp nhận dị biệt, tôn trọng lẫn nhau mà tồn tại trong hòa bình để hoàn thành tốt đẹp vai trò và nhiệm vụ cao đẹp của tôn giáo đối với nhân loại. Ông cha ta đã dạy:

*Trống làng nào làng ấy đánh
Thánh làng nào làng ấy thờ*

Chủ trương tự do hành đạo, nhưng không nên truyền giáo. Người nào truyền giáo thì chính người đó đang xâm phạm tự do tín ngưỡng của người khác. Khi có mâu thuẫn thì chủ trương “đối thoại” để tránh bạo lực và chiến tranh tôn giáo.

Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời. Đâu cần thiết phải quá tích cực trong việc truyền rao giáo hệ (truyền giáo) vì “loài người có thể **sống khá tốt đẹp mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo** (sdd, tr 34).

Chúng ta có thể ném bỏ hết tất cả các thứ khác: tôn giáo, lý tưởng, tất cả trí thức thọ nhận, nhưng chúng ta không thể tránh khỏi **sự cần thiết của tình thương**.

Trong ý nghĩa đó, không còn cần đến chùa chiền hoặc giáo đường, điện thờ hay tòa thánh, cũng không cần các **triết lý**, giáo lý hoặc **chủ thuyết phức tạp**. **Tự tâm ta, tự thức ta chính là đền thờ**. Chủ thuyết là **tình thương** (sdd, trang 279).

Thực tế cho thấy các tôn giáo du nhập vào Việt Nam đã và đang kiến lập những ốc đảo trong lòng dân tộc, tạo điều kiện cho người dân có quá nhiều cái thấy khác nhau. Chính sự xung đột về cái thấy mà gây ra mâu thuẫn, xung đột v.v..., khiến cho tình tự gia đình, tình tự dân tộc bị sức mẻ; tình người bị ngăn cách vì ai cũng cho tôn giáo mình nắm bắt được chân lý. Từ cơ sở đó, không thành thật trong tương giao, giao tiếp.

Tôn giáo đã là cái ách vô hình làm sao con người tháo gỡ được; và qua tôn giáo, không ít thì nhiều, con người (một thiểu số) đã tìm được bình an. Có thể họ sống trong bình an giả tạo, nhưng dù là giả tạo, còn hơn không bờ bến nương tựa, cho những người chưa trưởng thành.

L.V.Hà: Xin cho tôi đặt một câu hỏi ngắn, không đi ra ngoài vấn đề anh Anh đang trình bày. Thế nào là con người trưởng thành?

N.V.Nam: Trong nền văn hóa Việt, con người trưởng thành có nhiều khía cạnh. Hôm nay, tôi xin chỉ nói về con người trưởng thành ở **góc độ tôn giáo**

Tôn giáo, thật sự đã làm thui chột sinh lực con người, tập cho con người ỷ lại, rồi trở thành kẻ nô lệ. Nô lệ cho thượng đế hay cho ông Phật bên ngoài cái tâm hoặc nô lệ cho tên nô lệ hay bất cứ ai, **tinh thần nô lệ không khác** chỉ khi nào con người thật sự thên thang trong mọi kích thước, chỉ khi nào con người có thể ý thức được thể mệnh và tính mệnh của mình, con người đó mới đúng ý nghĩa là **người trưởng thành đích thực**.

Tôi xin trở lại ý kiến của tôi về tôn giáo. Các tôn giáo ở Việt Nam hãy tự phá vỡ ốc đảo của mình **trở về với tinh thần khai phóng, bao dung, hài hòa của dân tộc Việt**. Trên bình diện tôn giáo, **không nên thuyết phục người khác tin theo điều mình tin** mà thể hiện điều mình tin qua ý nghĩ, lời nói và việc làm **để hạt giống tình thương trong nội tâm nảy nở và**

phát triển. Một khi **tình thương** phát triển **hồn nhiên trong sáng** thì chúng ta sẽ biết **phải làm gì cho chính mình**, cho gia đình, cho tha nhân, dân tộc và nhân loại. Mọi mâu thuẫn, mọi nghịch lý, mọi cái nhìn khác nhau sẽ sụp đổ cùng lúc với tình thương phát triển hồn nhiên trong sáng: *Thương nhau củ ấu cũng tròn.*

Tôi (Đức Đạt Lai Lạt Ma) quan tâm đến việc cố gắng tìm ra một con đường phục vụ toàn nhân loại mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng (sđd, tr 35)

Ông J. Krishnamurti đã nói “ cái mà Phật gọi là Niết Bàn; Jesus gọi là Thiên Đàng, tôi gọi là **cuộc sống**”.

Cho nên “cần phải có một cuộc cách mạng, chắc chắn là thế. Điều tôi đề xướng là cuộc cách mạng tâm linh (sđd, tr 31). Tôi tin rằng có một sự phân biệt rõ rệt giữa tôn giáo và tâm linh.

Một sự trùng hợp kỳ lạ, như đã trình bày ở phần trên, triết lý sống Việt **chú trọng đến việc phát triển tâm linh**, chứ không quan tâm đến việc xây dựng một triết thuyết (để có Tử viết) hay một ý thức hệ hoặc một hệ thống giáo lý. Ông cha ta quan tâm đến việc xây dựng nếp sống, sống trọn vẹn với cái biết để luôn luôn cảm nhận với “**cuộc sống**”, với con người nói riêng và với Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên) nói chung.

T.T. Nam: Xin nhắc anh Anh, chỉ còn 15 phút nữa là chấm dứt buổi họp.

T.N. Anh: Xin lỗi các anh, sơ dĩ trên đây tôi phải dài dòng trình bày chỉ nhằm mục đích minh xác một điều là tôi chia sẻ với các anh rất nhiều điểm, nhưng không đồng ý việc các anh đã bỏ quá nhiều thì giờ để thảo luận về học thuyết này, tư tưởng nọ, trích dẫn Tứ Thư Ngũ Kinh, kinh điển Phật giáo, các triết gia Tây phương v. v...rồi triết học Đông phương, Tây phương v.v..Sư Viên Minh trong “Vi Tiểu” đã định nghĩa “triết học chỉ là một hệ thống ngôn ngữ phức tạp nói về những điều rất giản đơn”. Chúng ta đừng để kẹt nơi rừng văn tự, chữ nghĩa, chỉ có sống thực, sống trọn vẹn với thực tại mới ý thức tự chủ sáng tạo và mới cảm nhận được cuộc sống, chứ không phải xông xáo trong rừng văn tự chữ nghĩa.

Chúng ta hãy bình tâm nhìn lại chính mình có phải chúng ta cần sự hài hòa không? Hài hòa giữa thân và tâm để tâm hồn yên ổn, thân thể khỏe mạnh. Hài hòa với mọi người trong gia đình để có một gia đình yên vui hạnh phúc, thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn. Hài hòa giữa mọi người, hòa mục trong xóm làng (hòa cả làng) đến sự thái hòa của đất nước; hài hòa giữa các dân tộc để chung sống yên vui trong thanh bình, cùng nhau kiến lập một nền văn hóa mới: nền văn hóa hòa bình, nhân bản và dân tộc, mang tính khai phóng và dung hóa trong giao lưu qua lăng kính nhân chủ và dân chủ, dung hợp được tự do và công bằng.

Điều thứ hai chúng ta cần là ***tình thương hồn nhiên trong sáng***. Tình thương sẽ hóa giải mọi mâu thuẫn, nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội: thương nhau củ ấu cũng tròn.

Điều thứ ba là ***“trí tuệ”*** (khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống); thứ tư là “thượng tôn luật pháp”; luật pháp mang tính nhân bản, phục vụ con người.

L.M. Hoàng: Tôi xin đặt một câu hỏi với anh Anh: bắt đầu từ đâu?

T.N. Anh: Nói thì các anh sẽ phiền. Mà không nói thật lòng mình cảm thấy áy náy, khó chịu. Như vậy, ba tháng nay chúng ta đã thảo luận vô ích sao? Hóa ra là hợp nhau lại để phê bày kiến thức, tỏ ra chúng ta là những người thông kim bác cổ...

Đa số chúng ta thường đề cao Đạo Sống Việt, Việt Nho, Việt giáo, Việt đạo v.v... vượt qua giai đoạn “bái vật” tiến đến giai đoạn “nhân chủ”, vượt hẳn triết lý Tây phương v.v...ca ngợi văn hóa Việt đến tận mây xanh trong các buổi họp hoặc viết báo, viết sách. Nhưng trong cuộc sống, chúng ta không sống thực với điều chúng ta nói hay viết. Chúng ta sống với đầu óc đã bị điều kiện hóa bởi văn hóa Tàu, Ấn Độ hay Tây phương từ suy tư, dưỡng sinh đến tôn giáo.

Nếu tôi nhớ không lầm, ***tuần lễ thứ ba của tháng đầu***, chúng ta đã đồng thuận làm bất cứ việc gì cũng phải có con người tốt, nếu không thì mọi kế hoạch, mọi chương trình dù có hay đến đâu cũng sẽ vô dụng, hoàn toàn thất bại.

Chúng ta đã đồng ý bắt đầu từ hiện tại, ngay tại đây và bây giờ, ***nghĩa là từ hơn hai tháng nay rồi***. Bây giờ, các anh lại hỏi tôi bắt đầu từ đâu. Té ra, chúng ta đã quyết định mà không làm được gì cả sao?

Hình như trong biên bản buổi họp anh Minh đã ghi rõ ràng là ***bắt đầu từ hiện tại ngay tại đây và bây giờ***, mỗi người trong chúng ta phải ý thức tầm quan trọng của ***cuộc cách mạng tâm linh***, cuộc chuyển hóa tâm thức, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người mà ***khởi điểm là trở về với chính mình***, tự hiểu mình (trăm hay là xoay vào lòng (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình), xây dựng nếp sống tỉnh thức, qua quá trình “học ăn, học nói, học gói, học mở” để thay đổi cái nhìn tiến đến ***thống nhất tri thức và tâm thức với định hướng BIẾN – HÓA – Thăng hoa – Hoa Đồng***.

Tôi đề nghị trong những buổi họp tới, chúng ta nên thay đổi lề lối sinh hoạt, tránh phê bày kiến thức Đông Tây Kim Cổ mà chỉ trao đổi ***kinh nghiệm sống tỉnh thức***.

Chỉ có sống thực, sống trọn vẹn với thực tại, với hiện tiền mới ý thức “tự chủ” và “sáng tạo”, mới cảm nhận được với cuộc sống và con người nói riêng và với Thiên Thư Vô Ngôn

của Trời Đất nói chung. Từ cơ sở đó tâm thức **tự nó chuyển hóa**, chứ không phải do ý muốn của chúng ta, và cũng không phải do người nào đó chuyển hóa hộ cho chúng ta được.

Không thể tìm thấy sự hiện hữu của tâm linh mình trong đôi bàn tay rộng mở của người khác.

Chiều sâu của tâm linh **tương ứng với mức độ thời gian bỏ ra để tự biết mình**. hãy bỏ thời giờ ra để trở về với chính mình mỗi ngày để cảm nhận và thấu hiểu nhiều hơn về chính mình.

Đó là nền tảng để **xây dựng nếp sống tỉnh thức**, tỉnh thức trong cuộc sống hàng ngày, tức nhận biết trọn vẹn, đầy đủ những gì đang diễn biến trong nội tâm hay ngoại giới và nhận biết đúng y như chúng đang là, không phân tích, phê bình, lên án hay tán dương cũng không lẫn tránh.

Càng tự hiểu mình, nguồn sáng nội tâm càng dễ phát sinh, tạo sự bình an và an lạc trong tâm hồn; đó là nền tảng, là giây phút cảm nhận với Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất, nơi chứa đựng hằng số của văn hóa Việt, tạo điều kiện cho hạt giống tình thương và trí tuệ nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng đó là giai phút tâm người hội nhập hòa đồng với tâm vũ trụ.

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org